

Bản án số: 26/2019/HS-ST
Ngày 22- 7-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Phụng;

Ông Hoàng Văn Thạch.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Thuận - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:
Ông Phùng Bá Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 19/2019/TLST- HS ngày 26/4/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2019/QĐXXST-HS ngày 10/5/2019 đối với bị cáo:

Cháng Mí L sinh ngày 01/01/1992 tại huyện Q, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Thôn N, xã B, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hoá: 5/12; dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cháng Súa G (đã chết) và bà Giàng Thị B; có vợ là Cứ Thị T và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/10/2018 hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Xuân G - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà Nước tỉnh Hà Giang; có mặt

- Bị hại: Sùng Thị P (**tức Sùng Thị M**) sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang; vắng mặt

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:

Bà Nguyễn Thị Thanh H - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà Nước tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

Ông Tạ Ngọc V - Luật sư Văn phòng luật sư Tạ V và cộng sự thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Địa chỉ: Tầng 2, chung cư Pakexim I, phường P, quận T, Thành phố Hà Nội; có mặt.

- *Người làm chứng:*

NLC1. Địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện Q, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

NLC2, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện Q, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

NLC3, sinh năm 2000; Địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện Q, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

NLC4, sinh năm 1971; Địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

NLC5, sinh năm 1995; Địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

NLC6, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang; vắng mặt

NLC7, sinh năm 1982; Địa chỉ: xã Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang; vắng mặt

- *Người phiên dịch tiếng Mông:* Ông Giàng Mí P. Địa chỉ: tổ 15, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 03/2018 (*Không nhớ ngày*), Cư Thị V, sinh năm 1990, trú tại thôn M, xã B, huyện Q (*là chị họ của vợ Cháng Mí L, năm 2010 sang Trung Quốc lấy chồng, từ đó đến nay chưa quay về Việt Nam, hiện tại không xác định được nơi cư trú của Cư Thị V tại Trung Quốc*) có gọi điện thoại cho Cháng Mí L, đặt vấn đề với Cháng Mí L là đang cần tìm mua con gái người Việt Nam từ 20 tuổi trở lên để làm vợ cho em trai của chồng, nếu tìm được sẽ trả tiền cho từ 3.000 đến 4.000 Nhân dân tệ và được Cháng Mí L đồng ý. Tháng 4/2018 (*không nhớ ngày*), Sùng Thị P, sinh năm 1991 cùng với mẹ đẻ là NLC4, sinh năm 1971, trú tại Thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang đi bộ từ nhà đến xã B, huyện Q để tìm việc làm thuê. Khi đến thị trấn T, huyện Q thì NLC4 gọi điện cho Thảo Sìa S, sinh năm 1967, trú tại Thôn N, xã B, huyện Q, tỉnh Hà Giang (*là người quen của NLC4*) ra đón, nhưng do đang bận việc nên ông S chưa đi đón được, NLC4 tiếp tục gọi điện cho Cháng Mí L (*do có quen biết với L từ trước khi NLC4 làm thuê tại xã B*) đến đón và được L đồng ý. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, khi NLC4 và Sùng Thị P đi bộ đến thôn T, xã D, huyện Q, tỉnh Hà Giang thì gặp Cháng Mí L đi xe máy ngược chiều đến đón, L chở 02 người đi về hướng xã B,

trên đường đi thì NLC4 có nói cho L biết mục đích lên xã B để tìm việc làm thuê và nhờ L tìm việc hộ nhưng L bảo bận việc chưa đưa đi tìm ngay được. L chở NLC4 và P qua Ủy ban nhân dân xã B, huyện Q thì gặp Thào Sĩa S đang trên đường đi đón nên dừng lại, tại đây NLC4 sang đi cùng xe với Thào Sĩa S còn P ngồi cùng xe với L và cùng đi về nhà Thào Sĩa S, trên đường đi L có hỏi tên của P thì P nói: *“Cứ gọi theo tên con là mẹ D”*, L xin số điện thoại của P, P hỏi số điện thoại của L sau đó gọi sang số điện thoại của L do đang điều khiển xe máy nên L chưa lưu tên P. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày thì đến nhà của S. L đi vào nhà cùng P và NLC4 rồi ngồi chơi đến khoảng 19 giờ 30 phút thì đi về nhà. Ba ngày sau, khoảng 11 giờ trưa, L gọi điện thoại cho P hỏi: *“em đang ở đâu?”*, P trả lời: *“Em đang đi giúp nhà ông S trồng ngô”*, L hỏi tiếp: *“Em có muốn đi làm thuê không”*, P trả lời: *“Em đang chờ anh rể ở dưới Q lên xem có đi làm thuê không”*, nghe P nói như vậy, L liền bảo: *“Có một chỗ ngoài biên giới Trung Quốc, ông chủ cần thuê người phát cỏ rừng và thu hoạch chuối, mỗi ngày trả 60 đồng NDT, em có đi làm không”*, P trả lời: *“Phải đợi anh rể và một số người ở Q lên đi cùng, nếu có việc thì cùng nhau đi làm”* sau đó thì tắt máy. Đến khoảng 13 giờ chiều cùng ngày, anh rể của P là NLC7, sinh năm 1982 cùng 02 người khác là NLC6, sinh năm 1993; NLC5, sinh năm 1995, đều trú tại Thôn N, xã Q, huyện Q đến nhà của Thào Sĩa S để cùng NLC4 và P đi tìm việc làm thuê. Khoảng 30 phút sau thì Cháng Mí L đi xe máy đến nhà của Thào Sĩa S và nói: *“Có phải mọi người đang đi tìm việc làm không, tôi có quen một người chủ bên Trung Quốc, nếu mọi người muốn thì tôi dẫn mọi người đi”*, P và những người có mặt tại nhà ông S đều đồng ý đi cùng. Đến 14 giờ cùng ngày thì L đưa tất cả vượt biên qua Mốc 338 thuộc Thôn N, xã B, huyện Q, tỉnh Hà Giang sang Trung Quốc, đi bộ đến khoảng 18 giờ tối thì đến nơi, L giới thiệu tất cả những người đi cùng với một người đàn ông Trung Quốc (*không biết tên*). Sau đó L quay lại Việt Nam còn P và những người khác ở lại làm thuê được khoảng gần 03 ngày thì do có mâu thuẫn giữa những người cùng đi làm thuê nên P và NLC4 bỏ việc và quay về Việt Nam. Khi về Việt Nam thì P ở nhà của mẹ đẻ (NLC4) một ngày sau đó về nhà chồng ở thôn K, xã T, huyện V, do biết P đã về Việt Nam nên L gọi điện thoại nói chuyện và rủ P đi Trung Quốc làm thuê tiếp nhưng P chưa đồng ý và bảo để suy nghĩ đã. Khoảng 12 giờ trưa ngày 12/4/2018, khi P đang đi xem bò tại nhà dì của P là Giàng Thị K, sinh năm 1988, trú tại thôn B, xã M, huyện V, tỉnh Hà Giang thì L tiếp tục gọi điện thoại và rủ P sang tỉnh Q, Trung Quốc làm thuê, P trả lời là *“em chưa có ý định đi”*, L nói tiếp: *“Nếu đi thì đi luôn ngày hôm nay, có rất nhiều người ở B cũng đi, có đi thì đi cùng luôn”*, nghe L nói vậy P liền trả lời: *“Thế thì đi cũng được”* và nói địa chỉ nơi P đang đi xem bò cho L biết, L hẹn sẽ đón P lúc 18 giờ tối cùng ngày tại ngã ba thôn L,

xã Q, huyện Q (*gần nơi P đang đi xem bò*). Sau khi nói chuyện với P xong, L gọi điện cho Cư Thị V, sinh năm 1990, trú tại thôn M, xã B, huyện Q (*là chị họ vợ Cháng Mí L, sang Trung Quốc lấy chồng, từ năm 2010, đến nay chưa quay về Việt Nam,*) và nói sẽ đưa P sang Trung Quốc để gặp V và được V đồng ý, V hẹn L sẽ gặp nhau tại huyện P, Trung Quốc.

Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, Cháng Mí L sang nhà NLC1, sinh năm 1996, trú tại Thôn N, xã B, huyện Q, tỉnh Hà Giang để mượn xe máy, lúc này chỉ có NLC3, sinh năm 2000 (*là em trai và ở cùng nhà với Phừ*) đang ở nhà, L lấy lý do đi lên thị trấn T mua xăng để hỏi mượn chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave RSX, Biển kiểm soát 23L1 - 093.77 (*đăng ký mang tên NLC1*) và được NLC3 đồng ý. Sau khi mượn được xe, L điều khiển xe máy đến điểm hẹn với P. Khoảng gần 18 giờ tối cùng ngày, L đến điểm hẹn và gặp Sùng Thị P sau đó chở P đi theo đường Quốc lộ 4C, qua xã Q, thị trấn T, huyện Q và đến gần nhà của L thuộc Thôn N, xã B thì dừng lại, L bảo P đứng đợi còn L đi vào nhà cất chiếc xe máy Wave RSX ở nhà và lấy chiếc xe nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS, màu sơn trắng đen, biển kiểm soát 23L1 - 069.32 (*đăng ký mang tên Cháng Mí L*) chở P đến Mốc 338 (*Mốc 6 cũ*), thuộc Thôn N, xã B thì dừng lại, L mang xe máy vào gửi tại nhà Tản Seo K, sinh năm 1977, trú tại thôn N, xã B, huyện Q, tỉnh Hà Giang rồi tiếp tục đưa P đi bộ qua mốc biên giới sang Trung Quốc, đi được khoảng 01 giờ đồng hồ thì L gọi điện thoại cho Cư Thị V và hẹn sẽ gặp nhau tại huyện P, tỉnh V, Trung Quốc, sau đó L đón một xe Taxi đưa P đi đến khoảng 12 giờ trưa, ngày 13/4/2018 thì đến huyện P (*không biết địa chỉ cụ thể*). L gọi điện thoại cho Cư Thị V báo là đã đến nơi. Chờ khoảng 15 phút sau thì Cư Thị V và 03 người đàn ông Trung Quốc (*không biết tên, tuổi, địa chỉ*) đi 01 xe ô tô (*loại xe 04 chỗ, không rõ biển kiểm soát*) đến. Tại đây L đã bán P cho Cư Thị V, L bảo với Sùng Thị P là lên xe đi cùng với Cư Thị V trước và nói dối là quay lại đón thêm người rồi đi sau để tạo niềm tin cho P. Sau khi P lên xe ô tô cùng Cư Thị V, thì người đàn ông Trung Quốc đi cùng V trả cho L 3.000 Nhân dân tệ, L nhận tiền rồi lên xe Taxi quay về Việt Nam, số tiền này L trả tiền thuê xe Taxi hết 2500 Nhân dân tệ, còn 500 nhân dân tệ L tiêu sài cá nhân hết. Sau khi về Việt Nam, Cháng Mí L đã đến nhà Tản Seo K để lấy xe máy và đi về nhà. Còn Sùng Thị P bị Cư Thị V và 03 người đàn ông Trung Quốc đưa đến một ngôi nhà có 4 tầng (*không rõ địa chỉ*) và bị giữ trong một phòng trên tầng 4 của ngôi nhà (*khóa ngoài*), sau khoảng 01 tháng thì bị bán cho một người đàn ông Trung Quốc (*là em chồng của Cư Thị V*) mua về làm vợ với giá 14.000 Nhân dân tệ. Ngày 02/10/2018, Sùng Thị P được Công an Trung Quốc giải cứu và trao trả về Việt Nam qua Cửa khẩu M, tỉnh Q. Đến ngày

10/10/2018 thì Sùng Thị P đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Giang để tố cáo hành vi phạm tội của Cháng Mí L.

Tại Cáo trạng số 06/CT-VKS-P2 ngày 26/02/2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đã truy tố Cháng Mí L về tội “*Mua bán người*” theo quy định tại điểm d khoản 2 điều 150 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang giữ nguyên nội dung truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố: Bị cáo Cháng Mí L phạm tội “*Mua bán người*”.

- Về hình phạt:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 150; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Cháng Mí L từ 09 (*Chín*) đến 10 (*Mười*) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (Ngày 11/10/2018).

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 585, 592 Bộ luật dân sự, đề nghị ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Cháng Mí L bồi thường cho bị hại số tiền 15.000.000,đ - 5.000.000,đ (Đã bồi thường). Bị cáo còn phải bồi thường cho bị hại số tiền 10.000.000,đ.

- Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự:

Trả lại cho bị cáo 01 chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA, số loại SIRIUS màu sơn trắng, đen; biển kiểm soát: 23L1 - 069.32; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 001855, mang tên Cháng Mí L;

Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc điện thoại di động WDBOO màu đen có lắp 02 thẻ sim không còn giá trị sử dụng.

- Về án phí: Gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo, vì vậy đề nghị miễn án phí hình sự và án phí dân sự có giá ngạch cho bị cáo L.

- *Người bào chữa cho bị cáo trình bày:*

Về tội danh nhất trí quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đã truy tố. Tuy nhiên xét về nhân thân, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; Quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, gia đình bị cáo đã bồi thường một phần cho bị hại. Về nguyên nhân dẫn đến phạm tội một phần do lỗi của bị hại nói là bị chồng đánh đã nhờ bị cáo đưa sang biên giới Trung Quốc tìm việc làm và do bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, vì vậy khi quyết định hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 điều 150; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Cháng Mí L 07 năm tù. Về vật chứng do chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA, biển kiểm soát: 23L1 - 069.32 là tài sản chung của vợ chồng bị cáo, là phương tiện đi lại phục vụ nhu cầu chính của gia

đình bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử trả lại xe mô tô cho bị cáo. Về án phí, bị cáo là dân tộc thiểu số và là hộ nghèo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường Vụ Quốc hội miễn án phí cho bị cáo.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:

Tại Bản luận cứ ngày 19/7/2019 của Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại trình bày: Về tội danh nhất trí quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đã truy tố bị cáo Cháng Mí L về tội Mua bán người theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 150 Bộ luật hình sự năm 2015, đề nghị xử phạt bị cáo từ 09 đến 10 năm tù. Về trách nhiệm dân sự, nếu tại phiên tòa giữa bị cáo và bị hại thỏa thuận được với nhau về việc mức bồi thường thiệt hại thì đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các bên. Trường hợp không thống nhất được thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho bị hại theo quy định của pháp luật.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại trình bày: Về tội danh và hình phạt nhất trí quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang. Tuy nhiên xét về nhân thân, nhận thức pháp luật của bị cáo còn hạn chế và trong quá trình điều tra bị cáo đã bồi thường một phần trách nhiệm dân sự cho bị hại, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự, tại phiên tòa với tư cách là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại đề nghị bị cáo bồi thường thiệt hại cho bị hại với tổng số tiền là 15.000.000đ (Trong đó bị cáo đã bồi thường số tiền 5.000.000đ), bị cáo còn phải bồi thường số tiền 10.000.000đ. Tại phiên tòa bị cáo nhất trí bồi thường số tiền còn lại 10.000.000,đ cho bị hại, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận về phần trách nhiệm dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát xác định NLC1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Tuy nhiên qua quá trình xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại các điều 65 và 66 của BLTTHS xác định NLC1 không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án mà là người làm chứng trong vụ án.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt bị hại, NLC1, NLC3, NLC2 (Có đơn xin vắng mặt) và người làm chứng NLC4, NLC5, NLC7 đã được triệu tập hợp lệ. Căn cứ Điều 292, Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử thảo luận và quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Hà Giang, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân tỉnh Hà Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[4] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Cháng Mí L khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo như cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như lời khai của bị hại, biên bản nhận dạng, lời khai của người làm chứng, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở xác định: Ngày 12/4/2018 Cháng Mí L, đi xe máy nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS, chở Sùng Thị P đến Mốc 338 (*Mốc 6 cũ*), thuộc Thôn N, xã B, sau đó đưa P sang Trung Quốc bán cho Cư Thị V và được Vàng và một người đàn ông Trung Quốc đi cùng Vàng đã trả cho L 3000 Nhân dân tệ. Hành vi của bị cáo Cháng Mí L đã cấu thành tội "Mua bán người" được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 150 của Bộ luật hình sự.

Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, vì mục đích vụ lợi bị cáo đã lừa gạt đưa bị hại Sùng Thị P sang Trung Quốc và bán cho Cư Thị V người Trung Quốc, hành vi của bị cáo là rất nghiêm trọng, xâm hại trực tiếp đến danh dự, nhân phẩm của bị hại.

Danh dự, nhân phẩm của con người là cao quý, bất khả xâm phạm được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên vì mục đích vụ lợi bị cáo đã bất chấp pháp luật, lừa gạt, dụ dỗ đưa bị hại ra nước ngoài để bán. Hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến danh dự nhân phẩm của bị hại mà còn xâm phạm đến quyền tự do của con người, xâm phạm đến hạnh phúc gia đình bị hại và gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang cho nhân dân sống tại vùng sâu vùng xa và vùng giáp biên giới.

Tình hình tội phạm tại địa phương nhất là các tội mua bán người xảy ra rất nghiêm trọng. Đảng và Nhà nước đã có nhiều biện pháp để trấn áp loại tội phạm này, tuy nhiên loại tội phạm này vẫn diễn biến phức tạp, vì vậy cần xử lý bị cáo với mức án thật nghiêm khắc có như vậy mới đủ thời gian để cải tạo giáo dục bị cáo, đồng thời góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương. Do đó không chấp nhận đề nghị của người bào chữa cho bị cáo về việc đề nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Tuy nhiên khi xem xét hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo bởi lẽ: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo là người dân tộc thiểu số trình độ nhận thức hạn chế, thuộc diện hộ nghèo của xã và đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo thuộc diện hộ nghèo nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị hại đề nghị bị cáo phải bồi thường số tiền là 30.000.000 đồng, nhưng không trình bày rõ trong đó gồm những khoản nào. Tại phiên tòa bị hại vắng mặt, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại đề nghị bị cáo bồi thường cho bị hại tổng số tiền 15.000.000đ - 5.000.000đ (Số tiền đã bồi thường), bị cáo còn phải bồi thường số tiền 10.000.000đ. Bị cáo nhất trí bồi thường số tiền còn lại cho bị hại là 10.000.000đ. Do vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo.

[6] Về vật chứng: Quá trình điều tra cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại SIRIUS màu sơn trắng, đen; biển kiểm soát: 23L1 - 069.32 kèm theo 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô; 01 chiếc điện thoại di động có lắp 02 thẻ sim. Chiếc xe mô tô là tài sản chung của vợ chồng bị cáo, bị cáo sử dụng xe mô tô để đưa bị hại sang Trung Quốc nhưng vợ của bị cáo không biết. Mặt khác chiếc xe là phương tiện phục vụ nhu cầu của gia đình, do đó cần trả lại xe mô tô và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô cho bị cáo. Đối với chiếc điện thoại di động là tài sản riêng của bị cáo, bị cáo đã dùng vào việc phạm tội và không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí: Do bị cáo thuộc diện hộ nghèo thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, vì vậy chấp nhận đề nghị của người bào chữa cho bị cáo. Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch cho bị cáo L.

[8] Trong vụ án này còn có đối tượng Cur Thị V, theo lời khai của bị cáo thì V là người đã trực tiếp trao đổi, thỏa thuận với bị cáo về việc đưa Sùng Thị P sang Trung Quốc bán, cơ quan CSĐT công an tỉnh Hà Giang tiến hành xác minh và xác định Cur Thị V năm 2010 sang Trung Quốc lấy chồng đến nay chưa quay về Việt Nam, hiện tại không xác định được nơi cư trú của V tại Trung Quốc. Do vậy cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Giang không đề cập xử lý đối với Vàng trong vụ án này mà tiếp tục điều tra làm rõ để xử lý sau thành một vụ án khác, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Quá trình điều tra bị cáo Cháng Mí L còn khai nhận đưa 05 người (trong đó có bị hại Sùng Thị P và mẹ đẻ là NLC4) và NLC7, sinh năm 1982 cùng 02 người khác là NLC6, sinh năm 1993; NLC5, sinh năm 1995, đều trú tại Thôn N, xã Q, huyện Q sang Trung Quốc làm thuê mà không làm thủ tục xuất cảnh trước đó. Cơ quan điều tra căn cứ kết quả điều tra cho thấy, với hành vi trên không đủ căn cứ xác định Cháng Mí L có hành vi phạm tội Tổ chức, môi giới cho người khác xuất cảnh trái phép, quy định tại Điều 348 và tội Tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép, quy định tại Điều 349 BLHS. Do vậy với hành vi xuất, nhập cảnh trái phép của Cháng Mí L chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự, nên Cơ quan ảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, bằng hình thức cảnh cáo, theo điểm a khoản 3 Điều 17 Nghị định 167/2013/NĐ-CP của thủ tướng chính phủ. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang nhận thấy, hành vi đưa 05 người sang Trung Quốc của bị cáo có dấu hiệu phạm tội Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép, quy định tại Điều 349 BLHS (Có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm) và đã ra Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Ngày 25/4/2019 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đã có Công văn số 157/CV-VKS với nội dung: Hành vi đưa người sang Trung Quốc làm thuê không làm thủ tục xuất, nhập cảnh CQĐT ra Quyết định xử phạt Vi phạm hành chính là có căn cứ. Việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang là đúng người đúng tội, không bỏ lọt tội phạm và vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố. Căn cứ Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 về giới hạn của việc xét xử vụ án hình sự sơ thẩm, Hội đồng xét xử chỉ xét xử đối hành vi theo tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân đã truy tố.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Cháng Mí L phạm tội “*Mua bán người*”.
2. Về hình phạt: Áp dụng điểm d khoản 2 điều 150; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Cháng Mí L 09 (Chín) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 11/10/2018).
3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 585 và 592 của Bộ luật dân sự.

Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường thiệt hại của bị cáo đối với bị hại. Bị cáo Cháng Mí L phải bồi thường thiệt hại cho bị hại Sùng Thị P (Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang) tổng số tiền là 15.000.000đ - 5.000.000đ (Đã bồi thường cho bị hại), bị cáo L còn phải bồi thường cho bị hại Sùng Thị P số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự:

- Trả lại cho bị cáo Cháng Mí L 01 chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA, số loại SIRIUS màu sơn trắng, đen; biển kiểm soát: 23L1 - 069.32; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 001855, mang tên Cháng Mí L;

- Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc điện thoại di động WDBOO màu đen có lắp 02 thẻ sim.

Số lượng, đặc điểm, tình trạng các vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/02/2019 giữa Công an tỉnh Hà Giang và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang.

5. Về án phí: Căn cứ điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, bị cáo Cháng Mí L được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- PC 01, PC 02, PV 06 Công an tỉnh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh;
- Cục THA dân sự tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Vân